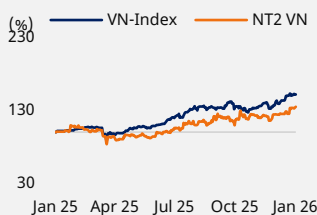


| (Cập nhật)                | Năm giữ  |
|---------------------------|----------|
| Giá mục tiêu (VND)        | ▲ 29,100 |
| Thị giá (01/27/2026, VND) | 26,650   |
| Lợi nhuận kỳ vọng         | 9%       |

|                                   |       |
|-----------------------------------|-------|
| Lợi nhuận HĐKD (26F, tỷ đồng)     | 759   |
| Kỳ vọng thị trường (25F, tỷ đồng) | Na    |
| Tăng trưởng EPS (26F, %)          | -26   |
| Kỳ vọng thị trường (26F, %)       | Na    |
| P/E (26F, x)                      | 11.3  |
| P/E thị trường (x)                | 18.2  |
| VNIndex                           | 1,885 |

|                             |        |
|-----------------------------|--------|
| Vốn hóa (tỷ đồng)           | 7,557  |
| SLCP đang lưu hành (triệu)  | 288    |
| % tự do chuyển nhượng (%)   | 32.3   |
| Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%) | 10.9   |
| Beta (12T)                  | 0.8    |
| Thấp nhất 52 tuần (VND)     | 16,000 |
| Cao nhất 52 tuần (VND)      | 26,950 |

| (%)       | 1T  | 6T   | 12T   |
|-----------|-----|------|-------|
| Tuyệt đối | 7.6 | 27.3 | 33.8  |
| Tương đối | 0.0 | 4.2  | -17.5 |



CTCP Chứng khoán Mirae Asset (Vietnam)

**Hồ Hoàng Sang**  
sang.hh@miraeeasset.com.vn

NT2 • Tiện ích Điện

## CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2

### Lợi nhuận năm 2025 vượt kỳ vọng

#### KQKD năm 2025

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) duy trì kết quả hoạt động tích cực trong Q4/2025, với sản lượng huy động cao giúp hệ số alpha (%Qc) đạt 108%. Tổng sản lượng điện phát và sản lượng hợp đồng (Qc) lần lượt đạt 966 triệu kWh (+18% CK) và 1,043 triệu kWh (+59% CK). Theo đó, doanh thu thuần đạt 2,367 tỷ đồng (+33% CK), trong khi lợi nhuận gộp tăng mạnh lên 478 tỷ đồng (+444% CK).

Thu nhập tài chính cải thiện đáng kể, với lãi thuần tài chính đạt 34 tỷ đồng (+36% CK), nhờ doanh thu tài chính tăng 51% CK, bù đắp cho chi phí tài chính tăng 78% CK. Lợi nhuận sau thuế (LNST) đạt 422 tỷ đồng (+466% CK).

Trong năm 2025, NT2 vượt kỳ vọng của chúng tôi cả về doanh thu lẫn lợi nhuận. Tổng sản lượng điện và Qc đạt 3,122 triệu kWh (+14% CK) và 3,492 triệu kWh (+57% CK). Doanh thu tăng 31% CK lên 7,804 tỷ đồng, LNST tăng vọt lên 1,000 tỷ đồng (so với 83 tỷ đồng năm 2024). Kết quả tích cực chủ yếu đến từ 1) giá khí bình quân thấp hơn, ở mức 9.38 USD/mnBTU (-1% CK); và 2) giá bán điện bình quân đạt 2,483 đồng/kWh (+16% CK), nhờ hệ số alpha cao 111% (2024: 81%).

Tài chính công ty duy trì ổn định. Nợ vay ngắn hạn chịu lãi đạt 1,762 tỷ đồng (+77% CK), trong khi đầu tư ngắn hạn tăng 65% CK lên 3,757 tỷ đồng.

Kế hoạch 2026 cho thấy doanh nghiệp đặt mục tiêu sản lượng 3,400 triệu kWh (+9% CK), doanh thu 8.087 tỷ đồng (+4% CK), nhưng lợi nhuận trước thuế chỉ 555 tỷ đồng (-51% CK), cùng cổ tức 1.500 đồng/cổ phiếu.

#### Dự phóng KQKD 2026

Đối với Qc, chúng tôi dự phóng thận trọng với hệ số alpha khoảng 90% trong năm 2026. Tổng sản lượng điện dự đoán là 3,060 triệu kWh (-2% CK), trong đó Qc ước đạt 2,754 triệu kWh (-21% CK). Giá bán điện dự phóng ở mức 2,533 VND/kWh (+2% CK), tăng 6% so với giả định trước. Doanh thu dự phóng đạt 7,749 tỷ đồng (-1% CK), và LNST ước đạt 773 tỷ đồng (-23% CK). Biên lợi nhuận gộp dự phóng ở mức 11% (giả định cũ: 9%). Cổ tức tiền mặt ở mức 1,500 đồng/cổ phiếu với lợi suất trên giá cổ phiếu khoảng 5.2%.

#### Định giá và khuyến nghị

Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B trung bình 5 năm theo Bloomberg là 1.58x. Lãi suất phi rủi ro của Việt Nam (trái phiếu kì hạn 10 năm) được điều chỉnh tăng lên 3.9% (trước đây 3.54%). Trên cơ sở cập nhật này, chúng tôi duy trì khuyến nghị Năm giữ, nhưng nâng giá mục tiêu lên 29,100 đồng/cổ phiếu (từ 24,500 đồng).

| FY (31/12)                   | FY23   | FY24  | FY25  | FY26F | FY27F |
|------------------------------|--------|-------|-------|-------|-------|
| Doanh thu (tỷ đồng)          | 6,386  | 5,944 | 7,804 | 7,749 | 7,656 |
| Lợi nhuận HĐKD (tỷ đồng)     | 441    | (30)  | 1,018 | 759   | 750   |
| Biên lợi nhuận HĐKD (%)      | 7%     | -0.5% | 13.0% | 9.8%  | 9.8%  |
| Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng) | 473    | 83    | 1,000 | 773   | 776   |
| EPS (VND)                    | 1,722  | 251   | 3,473 | 2,577 | 2,587 |
| ROE (%)                      | 11.05% | 1.7%  | 22.4% | 16.6% | 14.7% |
| P/E (x)                      | 15.36  | 79.4x | 7.5x  | 11.3x | 11.2x |
| P/B (x)                      | 1.75   | 1.4x  | 1.6x  | 1.7x  | 1.5x  |
| Lợi suất cổ tức (%)          | 7.5%   | 2.7%  | 0.0%  | 5.2%  | 3.4%  |

Ghi chú: Lợi nhuận ròng là lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ theo BCTC hợp nhất  
Nguồn: Dữ liệu doanh nghiệp, Mirae Asset Vietnam Research

Please see analyst certifications and important disclosures & disclaimers in Appendix 1 at the end of the report.

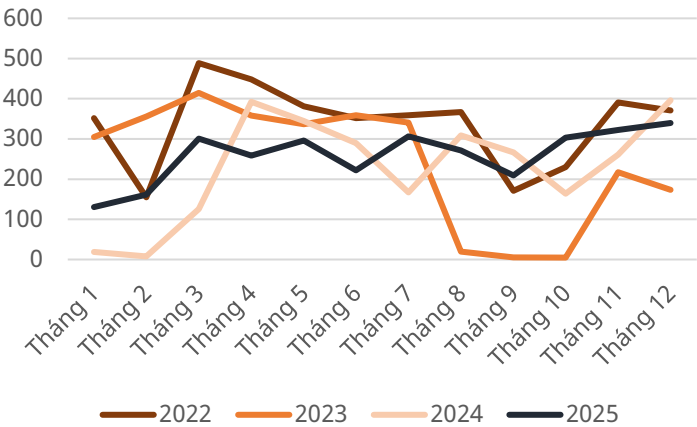
KQKD năm 2025

Bảng 1: Kết quả kinh doanh 2025

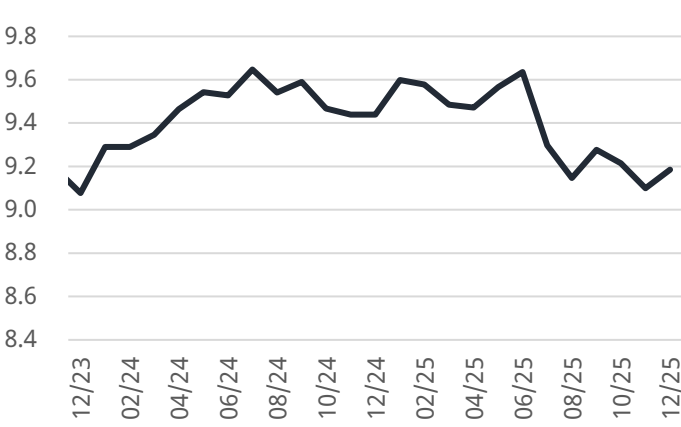
| (tỷ đồng)                      | Q4/2024 | Q4/2025 | CK   | 2024  | 2025  | CK    |
|--------------------------------|---------|---------|------|-------|-------|-------|
| Sản lượng sản xuất (triệu kWh) | 821     | 966     | 18%  | 2,743 | 3,122 | 14%   |
| Qc (triệu kWh)                 | 658     | 1,043   | 59%  | 2,221 | 3,492 | 57%   |
| Giá bán điện (ASP) (VND/kWh)   | 2,231   | 2,290   | 3%   | 2,142 | 2,483 | 16%   |
| Doanh thu                      | 1,784   | 2,367   | 33%  | 5,944 | 7,804 | 31%   |
| Lợi nhuận gộp                  | 88      | 478     | 444% | 52    | 1,093 | 2023% |
| Lợi nhuận từ HĐKD              | 65      | 443     | 582% | (30)  | 1,018 | 3332% |
| Doanh thu từ HĐTC              | 35      | 52      | 51%  | 100   | 170   | 70%   |
| Chi phí tài chính              | (10)    | (18)    | 78%  | (39)  | (66)  | 72%   |
| Thu nhập khác                  | 0       | (2)     |      | 72    | 1     |       |
| Lợi nhuận trước thuế           | 90      | 475     | 431% | 104   | 1,123 | 980%  |
| Lợi nhuận sau thuế             | 75      | 422     | 466% | 83    | 1,000 | 1106% |

Nguồn: NT2, PVPower, Phòng phân tích Mirae Asset

Hình 1. Sản lượng điện theo tháng (triệu kWh)

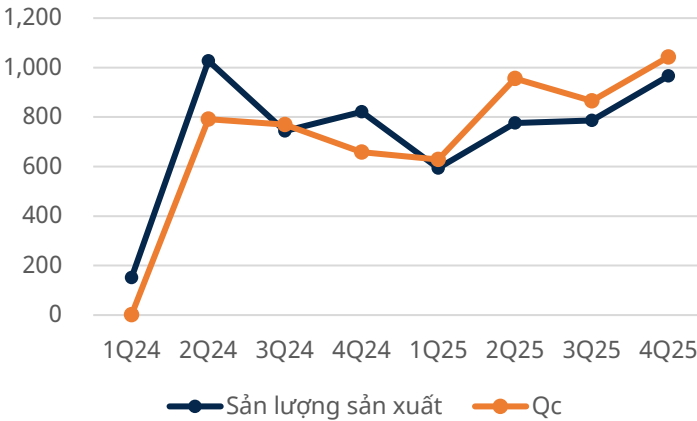


Hình 2. Giá khí đầu vào (US\$/MMBTU)

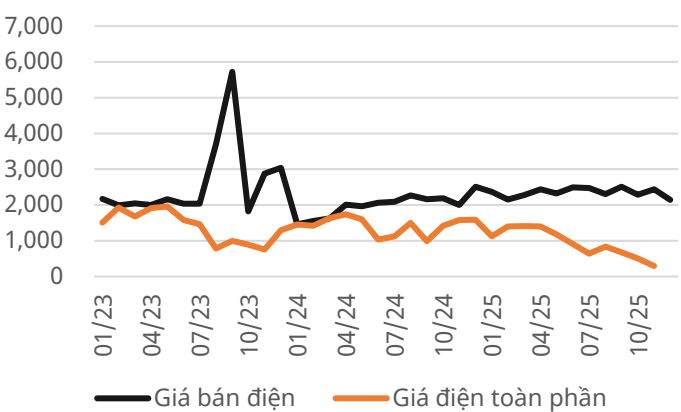


Nguồn: NT2, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 3. Sản lượng điện và Qc theo quý (triệu kWh)



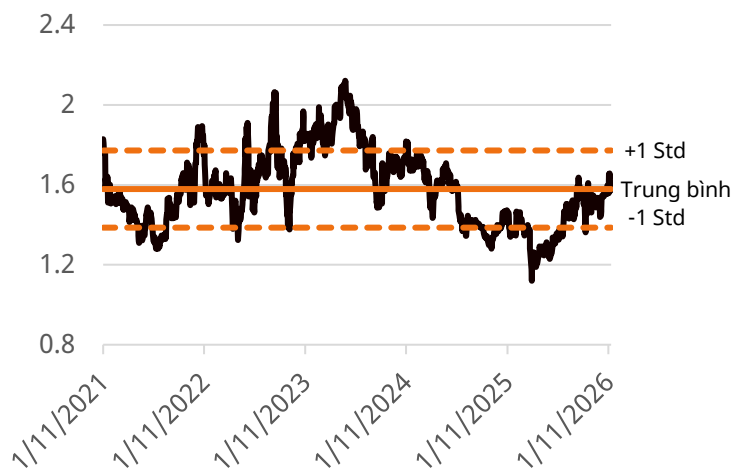
Hình 4. Giá bán điện NT2 và giá điện toàn phần (VND/kWh)



Source: NT2, Mirae Asset Vietnam Research

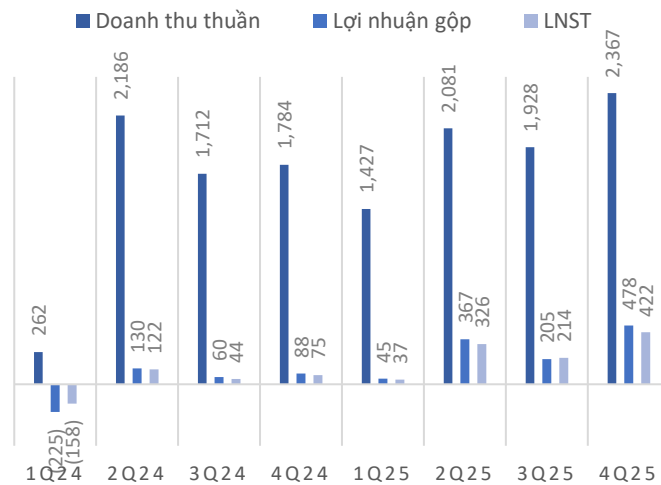
Source: NT2, PVPower, EVNGENCO3, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 5. P/B 5 năm



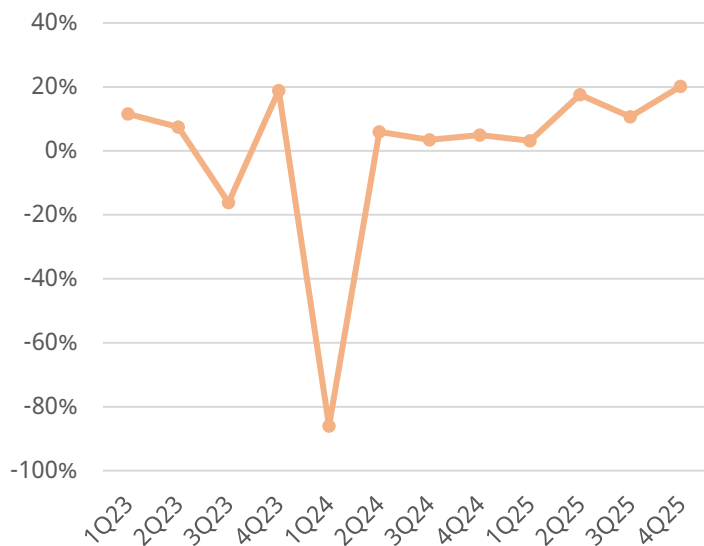
Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 6. Kết quả kinh doanh theo quý (tỷ đồng)



Nguồn: NT2, Mirae Asset Vietnam Research

Hình 7. Biên LN gộp cải thiện mạnh trong năm 2025



Nguồn: NT2, Mirae Asset Vietnam Research

CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2)

| Kết quả hoạt động kinh doanh (tóm tắt) |         |         |         |         |
|----------------------------------------|---------|---------|---------|---------|
| (tỷ đồng)                              | FY24    | FY25    | FY26F   | FY27F   |
| Doanh thu thuần                        | 5,944   | 7,804   | 7,749   | 7,656   |
| Giá vốn hàng bán                       | (5,892) | (6,710) | (6,897) | (6,814) |
| Lợi nhuận gộp                          | 52      | 1,093   | 852     | 842     |
| Chi phí bán hàng                       | 0       | 0       | 0       | 0       |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp           | (81)    | (76)    | (93)    | (92)    |
| Lãi/(lỗ) từ HĐKD                       | (30)    | 1,018   | 759     | 750     |
| Doanh thu hoạt động tài chính          | 100     | 170     | 167     | 167     |
| Chi phí tài chính                      | (39)    | (66)    | (68)    | (56)    |
| Thu nhập khác, ròng                    | 72      | 1       | 0       | 0       |
| Lãi/(lỗ) ròng trước thuế               | 104     | 1,123   | 859     | 862     |
| Chi phí thuế                           | (21)    | (123)   | (86)    | (86)    |
| Lãi/(lỗ) thuần sau thuế                | 83      | 1,000   | 773     | 776     |
| Lợi ích thiểu số                       | 0       | 0       | 0       | 0       |
| LNST công ty mẹ                        | 83      | 1,000   | 773     | 776     |

| Lưu chuyển tiền tệ (tóm tắt)                        |       |         |       |       |
|-----------------------------------------------------|-------|---------|-------|-------|
| (tỷ đồng)                                           | FY24  | FY25    | FY26F | FY27F |
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD                             | 528   | 1,006   | 434   | 586   |
| Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế                           | 104   | 1,123   | 859   | 862   |
| Điều chỉnh                                          |       |         |       |       |
| Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                              | 687   | 556     | 221   | 221   |
| Chi phí dự phòng                                    | 0     | 0       | 0     | 0     |
| Các khoản điều chỉnh khác                           | (147) | (306)   | (253) | (254) |
| Thay đổi các khoản phải thu                         | (717) | (564)   | (718) | 158   |
| Thay đổi hàng tồn kho                               | (72)  | (22)    | 7     | 4     |
| Thay đổi tài sản khác                               | 73    | 1,139   | (150) | 2     |
| Thay đổi các khoản phải trả                         | 601   | (921)   | 277   | (205) |
| Thay đổi phải trả khác                              | 0     | 0       | 192   | (203) |
| Lưu chuyển tiền HĐ đầu tư                           | (67)  | (1,376) | 162   | 163   |
| Chi phí tài sản cố định                             | (4)   | (12)    | (5)   | (5)   |
| Tiền cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác    | (173) | (1,484) | 0     | 0     |
| Thoái vốn đầu tư                                    | 0     | 0       | 0     | 0     |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 110   | 121     | 167   | 167   |
| Lưu chuyển tiền HĐ tài chính                        | (405) | 334     | (572) | (750) |
| Vay nợ                                              | (204) | 766     | (141) | (462) |
| Trả cổ tức                                          | (201) | (431)   | (432) | (288) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                      | 56    | (35)    | 24    | (1)   |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                     | 1     | 57      | 22    | 46    |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                    | 57    | 22      | 46    | 46    |

| Bảng cân đối kế toán (tóm tắt) |       |       |       |       |
|--------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| (tỷ đồng)                      | FY24  | FY25  | FY26F | FY27F |
| Tài sản ngắn hạn               | 5,774 | 7,879 | 8,764 | 8,599 |
| Tiền và tương đương tiền       | 57    | 22    | 46    | 46    |
| Đầu tư ngắn hạn                | 2,273 | 3,757 | 3,757 | 3,757 |
| Các khoản phải thu             | 2,989 | 3,741 | 4,458 | 4,300 |
| Hàng tồn kho, ròng             | 333   | 354   | 347   | 343   |
| Tài sản lưu động khác          | 122   | 5     | 155   | 153   |
| Tài sản dài hạn                | 2,924 | 1,245 | 1,029 | 812   |
| Tài sản hữu hình               | 1,420 | 880   | 662   | 445   |
| Tài sản vô hình                | 22    | 22    | 22    | 22    |
| Tài sản dở dang dài hạn        | 0     | 0     | 2     | 2     |
| Chi phí trả trước dài hạn      | 1,482 | 343   | 343   | 343   |
| Tổng tài sản                   | 8,698 | 9,124 | 9,793 | 9,412 |
| Nợ ngắn hạn                    | 4,509 | 4,395 | 4,754 | 3,916 |
| Phải trả người bán             | 2,253 | 1,234 | 1,512 | 1,307 |
| Phải trả khác                  | 1,247 | 1,389 | 1,581 | 1,378 |
| Vay ngắn hạn                   | 996   | 1,762 | 1,622 | 1,160 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi      | 12    | 10    | 40    | 71    |
| Nợ dài hạn                     | 0     | 0     | 0     | 0     |
| Vay dài hạn                    | 0     | 0     | 0     | 0     |
| Tổng nợ phải trả               | 4,509 | 4,395 | 4,754 | 3,916 |
| Vốn chủ sở hữu                 | 4,189 | 4,729 | 5,039 | 5,496 |
| Cổ phiếu phổ thông             | 2,879 | 2,879 | 2,879 | 2,879 |
| Thặng dư vốn cổ phần           | 0     | 0     | 0     | 0     |
| Lãi chưa phân phối             | 1,085 | 1,624 | 1,934 | 2,391 |
| Quỹ đầu tư phát triển          | 226   | 226   | 226   | 226   |

| Dự báo/Định giá (tóm tắt)        |        |        |        |        |
|----------------------------------|--------|--------|--------|--------|
|                                  | FY24   | FY25   | FY26F  | FY27F  |
| P/E (x)                          | 79.4   | 7.5    | 11.3   | 11.2   |
| P/CF (x)                         | 7.0    | 16.8   | 16.8   | 13.1   |
| P/B (x)                          | 1.4    | 1.6    | 1.7    | 1.5    |
| EV/EBITDA (x)                    | 10.4   | 5.8    | 6.3    | 6.3    |
| EPS (VND)                        | 251    | 3,473  | 2,577  | 2,587  |
| CFPS (VND)                       | 763    | 1,950  | 1,728  | 2,214  |
| BPS (VND)                        | 14,515 | 17,504 | 17,504 | 19,091 |
| DPS (VND)                        | 700    | 1,000  | 1,000  | 1,000  |
| Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)         | 279%   | 29%    | 39%    | 39%    |
| Tỷ suất cổ tức (%)               | 0%     | 3%     | 5%     | 3%     |
| Tăng trưởng doanh thu (%)        | -7%    | 31%    | -1%    | -1%    |
| Tăng trưởng EBITDA (%)           | 139%   | -38%   | -1%    | 0%     |
| Tăng trưởng lợi nhuận HĐKD (%)   | -3532% | 25%    | -1%    | -1%    |
| Tăng trưởng EPS (%)              | -85%   | 1282%  | -26%   | 0%     |
| Vòng quay khoản phải thu (x)     | 2.29   | 2.32   | 1.89   | 1.75   |
| Vòng quay hàng tồn kho (x)       | 19.95  | 19.54  | 19.67  | 19.74  |
| Vòng quay các khoản phải trả (x) | 2.20   | 3.86   | 5.04   | 4.83   |
| ROA (%)                          | 0.78%  | 11.22% | 8.39%  | 8.08%  |
| ROE (%)                          | 1.70%  | 22.42% | 16.61% | 14.73% |
| ROIC (%)                         | -1%    | 15.69% | 10.39% | 10.14% |
| Nợ trên vốn chủ sở hữu (%)       | 108%   | 93%    | 94%    | 71%    |
| Hệ số thanh toán hiện hành (%)   | 128%   | 179%   | 184%   | 220%   |
| Nợ ròng trên VCSH (%)            | -32%   | -43%   | -43%   | -48%   |
| EBIT / Lãi vay (x)               | -0.8   | 15.3   | 11.2   | 13.5   |

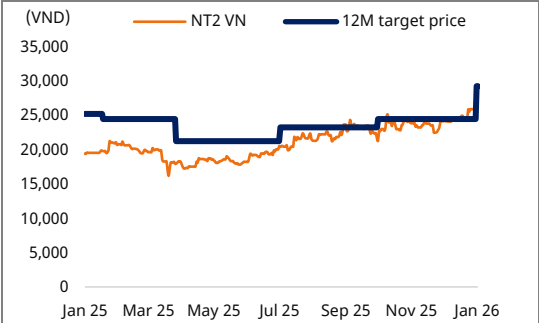
Nguồn: NT2, Mirae Asset Securities Research

PHỤ LỤC

Khuyến cáo quan trọng

Lịch sử khuyến nghị và giá mục tiêu 2 năm gần nhất

| Công ty (mã cổ phiếu)                    | Ngày       | Khuyến nghị   | Giá mục tiêu |
|------------------------------------------|------------|---------------|--------------|
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 3/04/2024  | Tăng tỷ trọng | 25,278       |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 29/7/2024  | Mua           | 25,278       |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 7/02/2025  | Tăng Tỷ Trọng | 24,500       |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 16/4/2025  | Mua           | 21,300       |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 22/07/2025 | Tăng Tỷ Trọng | 23,300       |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 21/10/2025 | Nắm giữ       | 24,500       |
| CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) | 27/01/2026 | Nắm giữ       | 29,100       |



Hệ thống khuyến nghị cổ phiếu

|               |                                         |
|---------------|-----------------------------------------|
| Mua           | : Lợi nhuận kỳ vọng từ 20% trở lên      |
| Tăng Tỷ Trọng | : Lợi nhuận kỳ vọng từ 10% trở lên      |
| Nắm Giữ       | : Lợi nhuận kỳ vọng trong khoảng +/-10% |
| Bán           | : Lợi nhuận kỳ vọng từ -10% trở xuống   |

Thang đánh giá ngành

|            |                                                                    |
|------------|--------------------------------------------------------------------|
| Tích Cực   | : Các yếu tố cơ bản thuận lợi hoặc đang cải thiện                  |
| Trung Tính | : Các yếu tố cơ bản ổn định và dự kiến không có thay đổi trọng yếu |
| Tiêu Cực   | : Các yếu tố cơ bản không thuận lợi hoặc theo xu hướng xấu         |

- \* Hệ thống khuyến nghị của chúng tôi dựa trên lợi nhuận kỳ vọng về tăng trưởng giá cổ phiếu trong vòng 12 tháng tiếp theo.
- \* Giá mục tiêu được xác định bởi chuyên viên phân tích áp dụng các phương pháp định giá được đề cập trong báo cáo, một phần dựa trên dự phóng của người phân tích về lợi nhuận trong tương lai.
- \* Việc đạt giá mục tiêu có thể chịu tác động từ các rủi ro liên quan đến cổ phiếu, doanh nghiệp, cũng như điều kiện thị trường, vĩ mô nói chung.

Khuyến cáo

Kể từ ngày phát hành, Chứng Khoán Mirae Asset và các chi nhánh không có bất kỳ lợi ích đặc biệt liên quan đến doanh nghiệp chủ thể và không sở hữu trên 1% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của doanh nghiệp chủ thể.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm thực hiện báo cáo này xác nhận rằng (i) những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân các tổ chức phát hành và chứng khoán trong báo cáo và (ii) không có phần thù lao nào của chuyên viên phân tích đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Tương tự như các nhân viên trong công ty, Chuyên viên phân tích nhận được thù lao dựa trên doanh thu và lợi nhuận tổng thể của Chứng Khoán Mirae Asset, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, Ngân hàng đầu tư hoặc Tư vấn doanh nghiệp. Tại thời điểm phát hành báo cáo, Chuyên viên phân tích không biết về bất kỳ xung đột lợi ích thực tế, trọng yếu nào của Chuyên viên phân tích hoặc Chứng Khoán Mirae Asset.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là MAS), là công ty chứng khoán được đăng ký tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này đã được tổng hợp từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong tài liệu này hoặc của bất kỳ bản dịch nào sang tiếng Anh từ tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của một báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này.

Đối tượng tiếp nhận được nhắm đến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, những người có kiến thức đáng kể về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán, và không có việc cá nhân nào tiếp nhận hoặc sử dụng báo cáo này sẽ vi phạm bất kỳ luật hoặc quy định hoặc đối tượng của MAS và các chi nhánh đối với các yêu cầu về đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây.

Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện các giao dịch bất kỳ chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo không cấu thành lời khuyên đầu tư cho bất kỳ người nào và người đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS chỉ vì nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính hoặc nhu cầu của các khách hàng cá nhân. Báo cáo không được dựa vào để thay thế cho việc thực hiện phán quyết độc lập. Thông tin và ý kiến trong tài liệu này là kể từ ngày của tài liệu này và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ chúng có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là biểu thị cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng tài liệu này.

MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích đã chuẩn bị chúng. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh của MAS và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại lý của họ có thể có các vị trí dài hoặc ngắn trong bất kỳ chứng khoán chủ đề nào vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường mở hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên giao đại lý hoặc bên đại lý. MAS và các chi nhánh của nó có thể đã có, hoặc có thể mong đợi tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty chủ thể để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của tài liệu này có thể được sao chép hoặc tái tạo theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.

## Mirae Asset Securities International Network

|                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Mirae Asset Securities Co., Ltd. (Seoul)</b><br>One-Asia Equity Sales Team<br>Mirae Asset Center 1 Building<br>26 Eulji-ro 5-gil, Jung-gu, Seoul 04539<br>Korea<br><br>Tel: 82-2-3774-2124                   | <b>Mirae Asset Securities (HK) Ltd.</b><br>Units 8501, 8507-8508, 85/F<br>International Commerce Centre<br>1 Austin Road West<br>Kowloon<br>Hong Kong<br>Tel: 852-2845-6332                                   | <b>Mirae Asset Securities (UK) Ltd.</b><br>41st Floor, Tower 42<br>25 Old Broad Street,<br>London EC2N 1HQ<br>United Kingdom<br><br>Tel: 44-20-7982-8000                                             |
| <b>Mirae Asset Securities (USA) Inc.</b><br>810 Seventh Avenue, 37th Floor<br>New York, NY 10019<br>USA<br><br>Tel: 1-212-407-1000                                                                              | <b>Mirae Asset Wealth Management (USA) Inc.</b><br>555 S. Flower Street, Suite 4410,<br>Los Angeles, California 90071<br>USA<br><br>Tel: 1-213-262-3807                                                       | <b>Mirae Asset Wealth Management (Brazil) CCTVM</b><br>Rua Funchal, 418, 18th Floor, E-Tower Building<br>Vila Olimpia<br>Sao Paulo - SP<br>04551-060<br>Brazil<br>Tel: 55-11-2789-2100               |
| <b>PT. Mirae Asset Sekuritas Indonesia</b><br>Equity Tower Building Lt. 50<br>Sudirman Central Business District<br>Jl. Jend. Sudirman, Kav. 52-53<br>Jakarta Selatan 12190<br>Indonesia<br>Tel: 62-21-515-3281 | <b>Mirae Asset Securities (Singapore) Pte. Ltd.</b><br>6 Battery Road, #11-01<br>Singapore 049909<br>Republic of Singapore<br><br>Tel: 65-6671-9845                                                           | <b>Mirae Asset Securities (Vietnam) JSC</b><br>7F, Le Meridien Building<br>3C Ton Duc Thang St.<br>District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City<br>Vietnam<br><br>Tel: 84-8-3911-0633 (ext.110)       |
| <b>Mirae Asset Securities Mongolia UTsk LLC</b><br>#406, Blue Sky Tower, Peace Avenue 17<br>1 Khoroo, Sukhbaatar District<br>Ulaanbaatar 14240<br>Mongolia<br><br>Tel: 976-7011-0806                            | <b>Mirae Asset Investment Advisory (Beijing) Co., Ltd</b><br>2401B, 24th Floor, East Tower, Twin Towers<br>B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District<br>Beijing 100022<br>China<br><br>Tel: 86-10-6567-9699 | <b>Beijing Representative Office</b><br>2401A, 24th Floor, East Tower, Twin Towers<br>B12 Jianguomenwai Avenue, Chaoyang District<br>Beijing 100022<br>China<br><br>Tel: 86-10-6567-9699 (ext. 3300) |
| <b>Shanghai Representative Office</b><br>38T31, 38F, Shanghai World Financial Center<br>100 Century Avenue, Pudong New Area<br>Shanghai 200120<br>China<br><br>Tel: 86-21-5013-6392                             | <b>Ho Chi Minh Representative Office</b><br>7F, Saigon Royal Building<br>91 Pasteur St.<br>District 1, Ben Nghe Ward, Ho Chi Minh City<br>Vietnam<br><br>Tel: 84-8-3910-7715                                  | <b>Mirae Asset Capital Markets (India) Private Limited</b><br>Unit No. 506, 5th Floor, Windsor Bldg., Off CST Road,<br>Kalina, Santacruz (East), Mumbai – 400098<br>India<br><br>Tel: 91-22-62661336 |